

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Tình; Ông Bùi Văn Hòa.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2024/TLST - HS ngày 05 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST- HS, ngày 02/4/2024 đối với bị cáo:

Đinh Văn V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 15/8/1995, tại **xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**;

Nơi cư trú: **Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; con ông: **Đinh Xuân T** - Sinh năm: 1965 và bà: **Tổng Thị Đ** - Sinh năm: 1970; vợ: **Quách Thị T1** - Sinh năm: 1990 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con, sinh năm 2020;

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 19/01/2024 đến ngày 06/02/2024 được thay thế biện pháp tạm giam sang bảo lãnh, hiện đang thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:*

Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn V sinh năm 1995 trú tại **thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** là người quen biết với anh **Bùi Văn C** sinh năm 1998 trú **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Quá trình sinh hoạt tại địa phương, **V** biết anh **C** mới mở quán bi-a để kinh doanh tại **thôn T, xã T**. Do thiếu tiền để tiêu xài cá nhân, nên **V** đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh **C**.

Vào ngày 05/12/2023, khi đang ở nhà, **V** sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook Messenger của mình mang tên: “Vong **Uy T2**” nhắn tin tới tài khoản Facebook Messenger của anh **C** mang tên “Ngọc Cường” nhằm thông báo với anh **C** về việc quán bi-a của anh **C** sẽ bị Công an xã kiểm tra, **V** nói là **V** có mối quan hệ với anh **Nguyễn Quang L** là cán bộ **Công an xã T**. Nếu anh **C** muốn **V** xin giúp **Công an xã T** thì **V** sẽ giúp, nhưng anh **C** phải chuyển số tiền là 2.000.000 đồng để **V** gặp anh **L** và xin giúp cho anh **C** để quán bi-a anh **C** không bị kiểm tra, xử lý nếu có xảy ra việc vi phạm trong quá trình kinh doanh. Ngoài ra, **V** còn xin thêm anh **C** tiền để đi lại, uống nước. Anh **C** lo lắng trong quá trình kinh doanh quán bi-a của mình nếu xảy ra vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, nên khi nghe **V** nói như vậy anh **C** đã đồng ý và đến 19 giờ 21 phút, ngày 07/12/2023, thông qua ứng dụng Viettinbankipay trên điện thoại của mình. Anh **C** đã chuyển tổng số tiền là 2.500.000 đồng từ số tài khoản 199804456789 của **Ngân hàng V1**, chủ tài khoản mang tên **Bùi Văn C** đến số tài khoản, ngân hàng mà **V** đã cung cấp (Trong đó số tiền 2.000.000 đồng để **V** đưa cho Công an xã và 500.000 đồng tiền đi lại, uống nước của vợ). Sau khi nhận được số tiền từ anh **C**, **V** đã sử dụng để trả nợ cho chị **Lê Thị Thanh L1** sinh năm 1993, trú tại **thôn T, xã T** số tiền 2.000.000 đồng; trả nợ cho anh **Quách Công T3** sinh năm 1995, trú tại **thôn Q, xã T** số tiền 500.000 đồng. Đến ngày 02/01/2024, **V** tiếp tục gọi điện thông qua tài khoản Facebook Messenger cho anh **C** và đòi anh **C** chuyển thêm tiền để **V** đưa cho **Công an xã T**, nhưng anh **C** không đồng ý và không chuyển thêm khoản tiền nào khác cho **V**. Sau đó biết bản thân đã bị **Đinh Văn V** lừa để chiếm đoạt tài sản, nên ngày 17/01/2024 anh **C** đã đến **Công an xã T** để tố giác hành vi của **Đinh Văn V**. Cùng ngày **Đinh Văn V** đã đến **Công an xã T** để đầu thú, khai báo về hành vi vi phạm của bản thân và giao nộp 01 chiếc điện thoại XIAOMI REDMi 12 màu bạc, có gắn số sim điện thoại 0328.042.621. Sau khi bị khởi tố, tạm giam, **V** đã tích cực tác động đến gia đình để trả lại số tiền 2.500.000 đồng cho anh **C**, anh **C** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu **V** phải bồi thường thêm khoản nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho **Đinh Văn V**.

Trong vụ án này, có chị **Lê Thị Thanh L1** và anh **Quách Công T3** là người được **V** trả tiền, Cơ quan CSĐT **Công an huyện T** đã xác minh, làm rõ khi được **V** trả tiền chị **L1** và anh **T3** đều không biết đây là số tiền do **V** đã phạm tội mà có, hiện số tiền này chị **L1** và anh **T3** đã sử dụng hết.

Đối với anh **Nguyễn Quang L** hiện đang công tác tại **Công an xã T**, quá trình xác minh, lấy lời khai đã làm rõ, do đặc thù công tác của ngành Công an anh **L** có mối quan hệ quen biết với **Đinh Văn V** để nắm bắt tình hình an ninh, trật tự tại địa bàn. Tuy nhiên việc **V** lợi dụng mối quan hệ quen biết này để chiếm đoạt tài sản của anh **C** anh **L** không hay biết, mặc dù **V** có gọi điện, nhắn tin hẹn anh **L** để đưa tiền, nhưng anh **L** đã từ chối. Từ trước đến khi vụ việc bị phát hiện anh **L** không nhận bất kỳ tài sản hoặc lợi ích nào từ **Đinh Văn V**. Việc **V** nói với anh **C** là đã đưa tiền cho anh **L** để tránh được việc kiểm tra, xử lý khi quán bi-a anh **C** đang kinh doanh vi phạm là không có cơ sở. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với anh **L** theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã trưng cầu **Phòng K Công an tỉnh T** giám định Kỹ thuật số điện tử, khôi phục toàn bộ dữ liệu điện tử liên quan, trong chiếc điện thoại di động đã tạm giữ của **V**. Tại Bản kết luận giám định số 434/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận: “Không tìm thấy dữ liệu đã xoá trong 01 (một) điện thoại di động gửi giám định”.

Xác minh điều kiện kinh tế, thu nhập của **Đinh Văn V** xác định bản thân bị cáo là lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tài sản có 01 chiếc xe máy BKS: 36E1-297.08 nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS và chiếc điện thoại XIAOMI REDMI 12 đang bị thu giữ, bị cáo không có tài sản chung và tài sản riêng nào khác.

Về vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 12 màu bạc, mẫu 23053RN02A có IMEI 1 862219063182391; IMEI 2 862219063182383, kèm theo 01 sim có ghi số: 0328.042.621 của **Đinh Văn V**, hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT - VKSTT ngày 04/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa truy tố **Đinh Văn V** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Đinh Văn V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đinh Văn V**, từ 07 (Bảy) tháng đến 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam là 21 ngày (quy đổi một ngày tạm giữ, tạm giam bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ bằng 63 ngày).

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là tiền cho bị cáo **Đinh Văn V**.

- Về khấu trừ thu nhập: khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Anh **Bùi Văn C** đã nhận đủ số tiền 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do bị cáo bồi thường, anh **C** không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại XIAOMI REDMi 12 màu bạc, có gắn số sim điện thoại 0328.042.621 của **Đinh Văn V**.

- Về án phí: Bị cáo **Đinh Văn V** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh tụng: Bị cáo **Đinh Văn V** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra **công an huyện T** và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Đinh Văn V** đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với diễn biến, thời gian, địa điểm và tang vật của vụ án cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, nên ngày 05/12/2023, **Đinh Văn V** đã sử dụng tài khoản mang tên “Vong Uy Tin” để nhắn tin vào tài khoản Face book **M** mang tên “Ngọc Cường” của anh **Bùi Văn C** với nội dung quán bi-a của anh **C** sẽ bị **Công an xã T** kiểm tra, bản thân Vọng có quen biết với **Công an xã T**, sẽ giúp anh **C** tránh bị kiểm tra, để lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền là 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của anh **C**. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây tâm lý hoang mang trong cộng đồng dân cư. Do đó cần lên một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo, nhằm giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Đinh Văn V** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả”; sau khi phạm tội đã ra “Đầu thú” hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có bác ruột là Liệt sỹ, hiện nay gia đình bị cáo đang thờ cúng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo **Đinh Văn V** có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ để răn đe bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo có tài sản không lớn, nên miễn hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo là người lao động tự do, có thu nhập ổn định mỗi tháng 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) nên khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh **Bùi Văn C** đã nhận đủ số tiền 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do bị cáo bồi thường, anh **C** không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại XIAOMI REDMi 12 màu bạc, có gắn số sim điện thoại 0328.042.621 của **Đinh Văn V**, là công cụ phương tiện bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Văn V** phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Đinh Văn V** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 (Hai mươi một) ngày tạm giữ, tạm giam (Tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 19/01/2024 đến ngày 06/02/2024). Sau khi quy đổi một ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 06 (Sáu) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo **Đinh Văn V** trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Khoản này bằng 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) mỗi tháng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMi 12 màu bạc, IMEI (Khe cắm SIM 1) có gắn số sim điện thoại: 862219063182383, IMEI (Khe cắm SIM 2): 862219063182391. Hiện tại chỉ lắp sim vào khe sim 1, sử dụng số điện thoại **V2** mang số điện thoại 0382042621, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không có ốp bảo vệ được niêm phong trong một phong bì giấy màu trắng trước mặt có ghi đề “CÔNG AN TỈNH THANH HÓA”, mặt sau được dán kín có chữ ký của **Bùi Văn Đ1**, **Nguyễn Đăng Đ2** và được đóng dấu tròn đỏ của **phòng K Công an tỉnh T** vào các góc. (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện T** và chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành ngày 12/3/2024).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Đinh Văn V** phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo **Đinh Văn V** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh **Bùi Văn C** có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- THAHS công an Thạch Thành;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn